

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04** /2022/KDTM-ST  
Ngày 16/5/2022  
*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Kim Ngân**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông **Dương Tấn Đầu**
  2. Ông **Nguyễn Phước Lộc**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Ngọc Chí** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Minh Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2021/TLST-KDTM, ngày 27 tháng 5 năm 2021, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *N đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam (P )**.  
Địa chỉ: 22 N, phường T, quận H, Hà Nội.  
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L** – Chủ tịch HĐQT.  
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng Trung N** – Phó Giám đốc khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.  
Địa chỉ: 264E L, p 14, q 3, Thành phố Hồ Chí Minh.  
(Theo văn bản ủy quyền số 10772/UQ-PVB, ngày 10/6/2020 của ông Nguyễn Đình L).

Người được ủy quyền lại:

1. Ông **Lê Tiến Đạt**, sinh năm 1978. Vắng mặt.

2. Ông **Võ Duy Thế P**, sinh năm 1989. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Lầu 6, số 131 T, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

(Theo văn bản ủy quyền số 115/UQ-PVB, ngày 18/01/2021 của ông Nguyễn Hoàng Trung N).

- *Bị đơn*: Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp K, xã C, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

1. Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam (sau đây sẽ gọi tắt là Ngân hàng P) trình bày:

Ông Trần Thanh T ký các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 2903/2019/HĐTD/PVB-CNKG ngày 15/3/2019. Số tiền vay: 400.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng có Tài sản đảm bảo; Thời hạn vay: 84 tháng; Dư nợ gốc hiện tại: 361.600.000 đồng.

- Hợp đồng hạn mức cho vay số 2903A/2019/HĐHM/PVB-CNKG ngày 15/3/2019. Số tiền vay: 988.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán hải sản các loại; Thời hạn vay: 36 tháng; Dư nợ gốc hiện tại: 987.868.806 đồng.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2903/2019/HĐBĐ/PVB-CNKG ngày 15/3/2019. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 355804, số vào sổ cấp GCN: H1575 do UBND thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/5/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 02/01/2019; Thửa đất số 218+ 218a; Tờ bản đồ số 97; Địa chỉ thửa đất: đường L Quang Ky, khu phố 5, phường A, thành phố R, Kiên Giang; Diện tích 165,4m<sup>2</sup>.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 15/3/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Trần Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ được ký kết với P. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông Trần Thanh T vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Vì vậy, ông Trần Thanh T đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với P .

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng P là ông Võ Duy Thế P trình bày: Tính đến ngày 11/5/2022 ông Trần Thanh T còn nợ Ngân hàng P như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2903/2019/HĐTD/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 là: Tổng nợ gốc chưa trả: 361.600.000 đồng; tổng nợ lãi chưa trả: 126.708.559 đồng. Tổng dư nợ: 488.308.559 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 2903A/2019/HĐHM/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 là: Tổng nợ gốc chưa trả: 987.868.806 đồng; tổng nợ lãi chưa trả: 424.551.231 đồng. Tổng dư nợ: 1.412.420.037 đồng.

Nay Ngân hàng P yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Buộc ông Trần Thanh T phải trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2903/2019/HĐTD/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 là: Tổng nợ gốc chưa trả: 361.600.000 đồng; tổng nợ lãi chưa trả: 126.708.559 đồng. Tổng dư nợ: 488.308.559 đồng.

- Buộc ông Trần Thanh T phải trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2903A/2019/HĐHM/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 là: Tổng nợ gốc chưa trả: 987.868.806 đồng; tổng nợ lãi chưa trả: 424.551.231 đồng. Tổng dư nợ: 1.412.420.037 đồng.

- Ông Trần Thanh T phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 2903/2019/HĐTD/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 và Hợp đồng hạn mức cho vay số 2903A/2019/HĐHM/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 cho đến khi ông Trần Thanh T thanh toán xong các khoản nợ.

- Nếu ông Trần Thanh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 355804, số vào sổ cấp GCN: H1575 do UBND thành phố R , tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/5/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 02/01/2019 cho ông Trần Thanh T .

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Thanh T đối với P . Nếu số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Thanh T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P .

2. Bị đơn là ông Trần Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến của ông T .

3. Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự. Về thời hạn thụ lý vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử đã quá thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 195 và khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà Thẩm phán, Thư ký và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, tại phiên toà hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của N đơn là ông Lê Tiến Đ vắng mặt lần thứ hai. Ông Trần Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; tại phiên toà hôm nay ông T vắng mặt lần thứ 2. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và ông T .

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo hợp đồng cho vay số 2903/2019/HĐTD/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 thì Ngân hàng P đã cho ông Trần Thanh T vay số tiền: 400.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng có Tài sản đảm bảo; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất trong hạn: được ghi nhận tại mỗi Khế ước nhận nợ (lãi suất cho vay là 09%/năm; lãi suất được áp dụng cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay từ ngày 19/3/2020 đến hết thời hạn vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và áp dụng theo công thức: lãi suất cho vay = LS13 + biên độ 4,5%/năm); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được Bên vay trả nợ đúng hạn; Lãi suất Chậm trả: Theo quy định của Ngân hàng nhưng đảm bảo không quá 10%/năm. Trả nợ gốc:

Nợ gốc được trả 84 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng.

Theo hợp đồng hạn mức cho vay số 2903A/2019/HĐHM/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 thì Ngân hàng P đã cho ông Trần Thanh T vay số tiền: 988.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán hải sản các loại; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất trong hạn: được ghi nhận tại mỗi Khế ước nhận nợ (lãi suất cho vay là 8,5%/năm; lãi suất được áp dụng cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay từ ngày 19/3/2020 đến hết thời hạn vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và áp dụng theo công thức: lãi suất cho vay =  $LS13 + \text{biên độ } 3,2\%/năm$ ); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được Bên vay trả nợ đúng hạn; Lãi suất Chậm trả: Theo quy định của Ngân hàng nhưng đảm bảo không quá 10%/năm. Trả nợ gốc: bên vay trả hết nợ gốc cho Ngân hàng vào ngày kết thúc thời hạn khoản vay theo quy định tại Hợp đồng này và tại mỗi khế ước nhận nợ.

Để bảo đảm tiền 02 khoản tiền vay nêu trên, trong ngày 15/3/2019 ông Trần Thanh T ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2903/2019/HĐBĐ/PVB-CNKG. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 355804, số vào sổ cấp GCN: H1575 do UBND thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/5/2008, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 02/01/2019; Thửa đất số 218+ 218a; Tờ bản đồ số 97; Địa chỉ thửa đất: đường L Quang Ky, khu phố 5, phường A, thành phố R, Kiên Giang; Diện tích 165,4m<sup>2</sup>. Ngày 15/3/2019 tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Trần Thanh T đã trả cho Ngân hàng P số tiền cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 2903/2019/HĐTD/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 là: Nợ gốc đã trả: 38.400.000 đồng; Nợ lãi đã trả: 23.757.031 đồng. Tổng cộng: 62.157.031 đồng. Tính đến ngày 11/5/2022 thì: Tổng nợ gốc chưa trả: 361.600.000 đồng; tổng nợ lãi chưa trả: 126.708.559 đồng. Tổng dư nợ: 488.308.559 đồng.

- Hợp đồng hạn mức cho vay số 2903A/2019/HĐHM/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 là: Nợ gốc đã trả: 131.194 đồng; Nợ lãi đã trả: 71.533.239 đồng. Tổng cộng: 71.664.433 đồng. Tính đến ngày 11/5/2022 thì: Tổng nợ gốc chưa trả: 987.868.806 đồng; tổng nợ lãi chưa trả: 424.551.231 đồng. Tổng dư nợ: 1.412.420.037 đồng.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của N đơn:

Xét thấy, việc ký kết các giao dịch nêu trên của ông Trần Thanh T với Ngân hàng P là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định pháp luật. Do ông T vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng P khi đến hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc, trả lãi và xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 293, 295, 296, 299, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện nêu trên của Ngân hàng P đối với ông Trần Thanh T.

[4]. Về án phí:

- Ông Trần Thanh T phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền đồng phải trả cho Ngân hàng là 488.308.559 đồng + 1.412.420.037 đồng = 1.900.728.596, thành tiền án phí là 69.021.857 đồng.

- Ngân hàng P không phải nộp án phí, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.511.065 đồng.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 280, 293, 295, 296, 299, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam.

1. Buộc ông Trần Thanh T phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam theo Hợp đồng cho vay số 2903/2019/HĐTD/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 tính đến ngày 11/5/2022 là: Tổng nợ gốc chưa trả: 361.600.000 đồng; tổng nợ lãi chưa trả: 126.708.599 đồng. Tổng dư nợ: 488.308.559 đồng

*(Bốn trăm tám mươi tám triệu, ba trăm lẻ tám nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng).*

2. Buộc ông Trần Thanh T phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam theo Hợp đồng hạn mức cho vay số 2903A/2019/HĐHM/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 tính đến ngày 11/5/2022 là: Tổng nợ gốc chưa trả: 987.868.806 đồng; tổng nợ lãi chưa trả: 424.551.231 đồng. Tổng dư nợ: 1.412.420.037 đồng *(Một tỷ, bốn trăm mười hai triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, ba mươi bảy đồng).*

3. Ông Trần Thanh T phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh từ ngày 12/5/2022 theo thoả thuận tại Hợp đồng cho vay số 2903/2019/HĐTD/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 và Hợp đồng hạn mức cho vay số 2903A/2019/HĐHM/PVB-CNKG ngày 15/3/2019 cho đến khi ông Trần Thanh T thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam.

4. Nếu ông Trần Thanh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 355804, sổ vào sổ cấp GCN: H1575 do UBND thành phố R , tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/5/2008, cập nhật biến động ngày 02/01/2019 cho ông Trần Thanh T ; Thửa đất số 218+ 218a; Tờ bản đồ số 97; Địa chỉ thửa đất: đường L Quang Ky, khu phố 5, phường A , thành phố R , Kiên Giang; Diện tích 165,4m<sup>2</sup>.

5. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hoặc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Thanh T đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam. Nếu số tiền thu được từ việc bán hoặc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Thanh T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Thanh T phải chịu án phí có giá ngạch là 69.021.857 đồng *(Sáu mươi chín triệu, hai mươi một nghìn, tám trăm năm mươi bảy đồng).*

- Trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.511.065 đồng (*Hai mươi chín triệu, năm trăm mười một nghìn, sáu mươi lăm đồng*), theo biên lai thu tiền số 0000135, ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

N đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án công khai tại nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tp PQ;
- Chi cục Thi hành án DS tp PQ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**(đã ký)**

**Võ Kim Ngân**